

Số: 77 /SKHCN-QLKH
V/v hướng dẫn đề xuất, đăng ký nhiệm vụ
KH&CN cấp tỉnh năm 2020

Phú Thọ, ngày 15 tháng 02 năm 2019



Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị;
- Các trường Đại học, Cao đẳng và các tổ chức KH&CN;
- Các doanh nghiệp, làng nghề và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện quy trình xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh quy định tại Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định cụ thể về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ; Để chuẩn bị cho công tác xây dựng kế hoạch năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các trường Đại học và Cao đẳng, các tổ chức KH&CN đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống (gọi tắt là Chương trình Ứng dụng) và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ (gọi tắt là Chương trình Sở hữu trí tuệ) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2020 như sau:

I. Căn cứ đề xuất:

1. Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 (ban hành tại Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh).
2. Kế hoạch phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 – 2020 số 1728/KH-UBND ngày 11/5/2016 của UBND tỉnh.
3. Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống giai đoạn 2016 – 2020.
4. Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 – 2020.
5. Kế hoạch số 2912/KH-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU về việc thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
6. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 – 2020.

II. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH:

1. Chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

1.1. Chương trình khoa học và xã hội và nhân văn:

- Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội nhằm tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn lực và mô hình mới trong thực tiễn; tập trung vào những vấn đề cơ bản được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục và đào tạo, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;

- Điều tra, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy chọn lọc các giá trị lịch sử, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các loại hình văn hóa dân gian truyền thống, nghệ thuật cổ truyền của vùng đất Tô, hát Xoan, tín ngưỡng thờ Hùng Vương, các giá trị văn hóa thời đại Hùng Vương, nghề thủ công truyền thống.

1.2. Chương trình công nghệ sinh học:

- Trong phát triển nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Chú trọng ứng dụng, chuyển giao nhanh các tiến bộ công nghệ sinh học vào sản xuất gắn với các chương trình sản xuất nông nghiệp trọng điểm, sản phẩm mũi nhọn và đặc hữu của tỉnh. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu công nghệ tế bào nhân nhanh các giống cây trồng nông lâm nghiệp mới, sản xuất các giống vật nuôi; ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất các chế phẩm vi sinh bảo vệ cây trồng, vật nuôi, cải tạo đất; các công nghệ bảo quản và chế biến nông - lâm - thủy sản nhằm đa dạng hóa và nâng cao năng suất chất lượng các sản phẩm phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi có hiệu quả đã được khẳng định. Cụ thể trên một số lĩnh vực:

Đối với phát triển trồng trọt: Sử dụng các giống cây trồng chất lượng, đặc biệt là giống chuyển gen (ngô, đậu tương); canh tác theo hướng bền vững, canh tác hữu cơ. Sử dụng có hiệu quả các phế phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, sản xuất phân bón hữu cơ, vi sinh để giảm ô nhiễm môi trường.

Phát triển chăn nuôi, thủy sản: Ứng dụng công nghệ sinh học từ khâu sản xuất giống, chăm sóc, phòng chống dịch bệnh và xử lý chất thải chăn nuôi, giảm ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo các đối tượng thủy sản giống mới, thủy sản đặc sản, thủy sản đặc hữu cho giá trị kinh tế cao; nghiên cứu sử dụng thức ăn sinh học hoặc có bổ sung men vi sinh trong chăn nuôi và thủy sản.

Phát triển lâm nghiệp: Tiếp tục ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô; bảo vệ và phát triển rừng theo hệ sinh thái tự nhiên; sử dụng các phế phụ phẩm trong quá trình chế biến gỗ làm nguyên liệu chế biến phân bón phục vụ trong trồng trọt.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến nông sản, nhất là đối với các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm chủ lực có thế mạnh của tỉnh.

- Trong lĩnh vực công nghiệp chế biến: Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ vi sinh; công nghệ enzym phục vụ sản xuất công nghiệp chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Trong y dược và lĩnh vực bảo vệ môi trường, phát triển bền vững: Lựa chọn, nghiên cứu chuyển giao ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học phù hợp điều kiện của tỉnh (công nghệ chọn tạo, nhân nhanh các giống cây dược liệu có năng suất và hàm lượng hoạt chất cao, chất lượng tốt tạo nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc; công nghệ sinh khối tế bào sản xuất nguyên liệu làm thuốc; công nghệ sinh học trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng...). Ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản xuất nhiên liệu sinh học phục vụ mục tiêu sản xuất sạch hơn và bảo đảm an ninh năng lượng; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường.

1.3. Chương trình đổi mới công nghệ và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp:

- Tập trung tìm kiếm, lựa chọn công nghệ, nghiên cứu thử nghiệm để thích nghi, làm chủ công nghệ, thiết bị tiên tiến, nhất là các công nghệ nhập từ nước ngoài nhằm đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các ngành công nghiệp có lợi thế (chế biến nông lâm sản, giấy, xi măng, rượu bia, phân bón, hóa chất...), ngành công nghiệp mới có ý nghĩa chiến lược để phát triển nhanh, tạo sự đột phá gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh (cơ khí, chế tạo máy, tự động hóa, công nghiệp lắp ráp, vật liệu xây dựng chất lượng cao, công nghiệp phụ trợ, chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp dược, gỗ gia dụng...);

- Triển khai các nghiên cứu ứng dụng công nghệ, thiết bị cơ khí hóa, tự động hóa thích hợp cho một số quá trình (hoặc công đoạn) sản xuất nông nghiệp nhằm phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

1.4. Chương trình vật liệu mới và năng lượng tái tạo:

- Ưu tiên nghiên cứu sản xuất vật liệu xây không nung thân thiện với môi trường;

- Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất các loại vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn, vật liệu chống cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện, tiết kiệm năng lượng...;

- Triển khai nghiên cứu áp dụng các công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cho vùng sâu, vùng xa, hướng phát triển các dạng năng lượng như gió, năng lượng mặt trời, thủy điện nhỏ, sản xuất nhiên liệu sinh học...

1.5. Chương trình công nghệ thông tin và truyền thông:

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật hệ thống mạng LAN và kết nối Internet tốc độ cao;

- Nghiên cứu xây dựng, ứng dụng công nghệ phần mềm như: phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và điều hành; xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ người dân và doanh nghiệp; phần mềm dùng chung; các phần mềm chuyên ngành; phần mềm mã nguồn mở; xây dựng các hệ thống tin học ứng dụng; hệ thống thông tin địa lý; phát triển các phần mềm trên môi trường mạng;

- Nghiên cứu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông tiên tiến trong các ngành dịch vụ quan trọng như ngân hàng, tài chính, du lịch, thuế; phát triển giao dịch và thương mại điện tử.

1.6. Chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng:

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật chuyên sâu mới, hiện đại trong chẩn đoán và điều trị;

- Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật của hệ thống các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa đạt tiêu chuẩn cấp vùng, cấp quốc gia;

- Phát triển nghiên cứu về công nghệ bào chế, sản xuất thuốc từ dược liệu, công nghệ sinh học để bảo vệ nguồn quỹ gen dược liệu quý hiếm của đại phương và tạo nguồn giống cây thuốc với năng suất chất lượng cao phục vụ cho công tác sản xuất thuốc. Nghiên cứu bảo tồn, phát triển vùng cung cấp nguyên liệu dược liệu trên địa bàn tỉnh để phát triển Nam dược, sản xuất và bào chế thuốc tại các cơ sở y học cổ truyền...

1.7. Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2011 - 2020:

- Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, xây dựng màng lưới tổ chức, biện pháp đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa chủ lực trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ của tỉnh; thúc đẩy phong trào năng suất, chất lượng;

- Xây dựng và hỗ trợ triển khai các dự án nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa chủ lực trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai các nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng trong các doanh nghiệp.

1.8. Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu:

Chú trọng các nghiên cứu dự báo về ảnh hưởng, tác động, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, sạt lở đất, tăng nhiệt độ không khí...) và đề xuất các giải pháp thích ứng, khắc phục dựa vào hệ sinh thái, thúc đẩy bảo vệ rừng, trồng rừng, sử dụng hợp lý đất đai, quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường,

2. Chương trình Ứng dụng:

- Hỗ trợ các dự án KH&CN xây dựng các mô hình cụ thể về ứng dụng, chuyển giao nhân rộng tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả, có quy mô phù hợp với từng địa phương và doanh nghiệp. Các dự án được hỗ trợ thông qua: Các tổ chức KH&CN, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp, doanh nghiệp (ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa), hợp tác xã, làng nghề, cơ sở sản xuất và người dân.

- Xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao đồng bộ các tiến bộ KH&CN, tổ chức quản lý, phát triển thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa có sự tham gia, liên kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân, trong đó doanh nghiệp là nòng cốt.

- Thực hiện hỗ trợ thông qua dự án KH&CN về hỗ trợ xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao nhân rộng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống. Tiến bộ KH&CN được lựa chọn để chuyển giao, ứng dụng nhân rộng là các công nghệ được hình thành từ các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài tỉnh đã được đánh giá nghiệm thu, các sáng chế, giải pháp hữu ích, các công nghệ được tạo ra hoặc đã và đang được chuyển giao đã được hoàn thiện, ổn định.

- Các dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN tập trung hướng vào các lĩnh vực:

+ Phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản như: Các công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao; công nghệ sinh học phục vụ nhân giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản; công nghệ sản xuất, canh tác, tưới tiêu, bảo quản, chế biến các sản phẩm có chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; công nghệ vi sinh, công nghệ enzym phục vụ chế biến thực phẩm, sản xuất chế phẩm, thức ăn chăn nuôi, phân bón, phòng trừ dịch bệnh, chế phẩm vi sinh bảo vệ cây trồng, cải tạo đất; công nghệ xử lý, kiểm soát và bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

+ Phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường, sinh thái và phát triển bền vững: Các công nghệ thiết kế, chế tạo, cơ khí, điều khiển tự động hóa, sản xuất sạch; công nghệ để sản xuất và ứng dụng các sản phẩm công nghệ vật liệu mới, thân thiện môi trường; các công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; công nghệ sản xuất vật liệu mới từ nguyên liệu sẵn có, lợi thế của địa phương; công nghệ xử lý môi trường nước thải, rác thải trong sản xuất công nghiệp, làng nghề và sinh hoạt; một số công nghệ phù hợp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Công nghệ về y, dược, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: Công nghệ trồng, bảo quản, chế biến thảo dược có giá trị cao; các tiến bộ khoa học và công nghệ mới, công nghệ cao phục vụ nâng cao hiệu quả trong chẩn đoán, phòng và điều trị; công nghệ phục vụ bào chế, sản xuất thuốc từ dược liệu,

thực phẩm chức năng; công nghệ vật lý y sinh hỗ trợ cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

+ Công nghệ về thông tin - truyền thông phục vụ phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, thông tin thị trường cho người dân và doanh nghiệp; công nghệ phần mềm ứng dụng và nội dung số; công nghệ thiết kế, chế tạo phần cứng, phần mềm; công nghệ phục vụ quản lý, giám sát; công nghệ an toàn và an ninh mạng; các công nghệ phần mềm thông minh phục vụ quản lý, điều hành hiệu quả các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

3. Chương trình Sở hữu trí tuệ:

- Hỗ trợ xác lập nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp.
- Hỗ trợ xác lập sáng chế, giải pháp hữu ích.
- Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm làng nghề, hàng hóa đặc trưng, có lợi thế của tỉnh.
- Hỗ trợ quản lý và phát triển đối với các sản phẩm đặc thù của tỉnh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

III. QUY TRÌNH VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN:

1. Quy trình xác định nhiệm vụ:

Căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình KH&CN trọng điểm cấp tỉnh trong Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2020, các chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương giai đoạn 2016 - 2020, các chương trình ứng dụng, chương trình Sở hữu trí tuệ; Đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành/thị, các trường Đại học, Cao đẳng, các tổ chức KH&CN hướng dẫn các đơn vị trực thuộc nghiên cứu, xây dựng đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo các biểu mẫu tại phụ lục kèm theo (các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo Mẫu A1-1-ĐXDĐT, A1-2-ĐXDASXTN, A1-3-ĐXDAKHCN, các nhiệm vụ đề xuất trong Chương trình ứng dụng và Chương trình Sở hữu trí tuệ theo Mẫu A1-4-ĐXDĐA) và tổng hợp danh mục, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo mẫu A2-THĐX (chi tiết các file biểu mẫu được đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ: <http://www.sokhoahoccongnghe.phutho.gov.vn>). Các nhiệm vụ KH&CN đề xuất, đặt hàng phải được thông qua Hội đồng KH&CN của ngành, đơn vị lựa chọn (nếu có).

Đề xuất đặt hàng của đơn vị gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ. Trên cơ sở đề xuất các nhiệm vụ KH&CN của các đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ sẽ tiến hành tổng hợp các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN, thông qua Hội đồng KH&CN tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

2. Tiến độ thực hiện:

- Chậm nhất trước 31/5/2019: các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các trường Đại học, Cao đẳng, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp hoàn thành việc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

- Từ ngày 01/6 - 31/7/2019: Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành tổng hợp, xem xét các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Từ ngày 01/8 - 30/8/2019: Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh tiến hành họp đề tư vấn, xác định danh mục các nhiệm vụ đề xuất, đặt hàng trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

Đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các tổ chức KH&CN, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị, Hiệu trưởng các trường Đại học, Cao đẳng quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và tổng hợp gửi về Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ quy định.

Mọi chi tiết cần thiết xin liên hệ: Phòng Quản lý Khoa học (Sở Khoa học và Công nghệ), điện thoại: 0210.3854.695./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở KH&CN;
- Cổng giao tiếp điện tử tỉnh;
- Báo Phú Thọ và Báo KH&PT;
- Trung tâm UD&TT KH&CN (p/h);
- Lưu: VT, QLKH(120b)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thủy Trọng

PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN

CẤP TỈNH NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 77/SKH-CN-OLKH ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ)



Mẫu A1-1-ĐXDĐT

PHIẾU ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

(Dùng cho đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Lý do đề xuất: (Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của v.v...)
Lưu ý:
 - Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ.
 - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn.
3. Mục tiêu:
4. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:
6. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
7. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:
8. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

Đơn vị dự kiến tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ đặt hàng) và cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu - đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất, đặt hàng được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

**PHIẾU ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ CẤP TỈNH**

(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)

1. Tên dự án SXTN:
 2. Xuất xứ của Dự án SXTN (*Từ một trong các nguồn sau: Kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài v.v...*)
 3. Lý do đề xuất (*Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; nhu cầu của sản xuất đời sống và khả năng ứng dụng rộng rãi v.v...*)
- Lưu ý:*
- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ;
 - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn.
4. Mục tiêu:
 5. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
 6. Nhu cầu thị trường (*Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án*):
 7. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
 8. Thời gian thực hiện:
 9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
 10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra (*Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án*):

Đơn vị dự kiến tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ đặt hàng) và cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu - đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất, đặt hàng được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

**PHIẾU ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ CẤP TỈNH**

(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)

1. Tên dự án dự án khoa học và công nghệ (KH&CN):

2. Xuất xứ và tính cấp thiết của dự án:
 - *Nêu rõ nguồn hình thành của Dự án; nguồn công nghệ đã được hoàn thiện, ổn định (từ kết quả các đề tài, khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích, các tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao từ nước ngoài,...).*
 - *Trình bày rõ lý do, tính cấp thiết phải thực hiện dự án (tầm quan trọng, ý nghĩa, mức độ tác động đến phát triển của ngành, lĩnh vực; nhu cầu của sản xuất đời sống, khả năng ứng dụng,...).*
Lưu ý: Nếu là đặt hàng đáp ứng theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cần trích dẫn đầy đủ; nếu từ đề xuất của các tổ chức, cá nhân, cần nêu tóm tắt, ngắn gọn

3. Mục tiêu: *(Nêu khái quát mục tiêu dự án hướng tới; các mục tiêu trực tiếp, cụ thể cần đạt được của dự án; các mục tiêu khác của dự án,...).*

4. Nội dung khoa học và công nghệ chủ yếu:

5. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:

6. Nhu cầu thị trường *(khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án):*

7. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

8. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*

9. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án: *(tiếp tục đổi mới công nghệ, sản phẩm; phương án tiếp tục chuyển giao, nhân rộng mô hình,...)*

10. Dự kiến hiệu quả của Dự án KH&CN:

10.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(Cần làm rõ đóng góp của Dự án đối với sản xuất trước mắt và lâu dài, tính toán hiệu quả kinh tế, số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*

10.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(Tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường nâng cao trình độ, năng lực áp dụng, chuyển giao công nghệ,...)*

Đơn vị dự kiến tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ đặt hàng) và cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu - đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất, đặt hàng được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Dự án KH&CN cấp tỉnh thực hiện trong Chương trình ứng dụng (hoặc Chương trình Sở hữu trí tuệ) năm 2020

1. Tên dự án:

2. Xuất xứ và tính cấp thiết của Dự án:

- *Nêu rõ nguồn hình thành của Dự án; nguồn công nghệ đã được hoàn thiện, ổn định (từ kết quả của các đề tài, khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích, các tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao từ nước ngoài,...).*
- *Trình bày rõ lý do, tính cấp thiết phải thực hiện dự án (tầm quan trọng, ý nghĩa, mức độ tác động đến phát triển của ngành, lĩnh vực; nhu cầu của sản xuất đời sống, khả năng ứng dụng...).*

Lưu ý: Nếu là đặt hàng đáp ứng theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cần trích dẫn đầy đủ; nếu từ đề xuất của các tổ chức, cá nhân cần tóm tắt, ngắn gọn.

3. Mục tiêu: *(Nêu khái quát mục tiêu của dự án hướng tới; các mục tiêu trực tiếp, cụ thể cần đạt được của dự án; các mục tiêu khác của dự án,...).*

4. Nội dung khoa học và công nghệ chủ yếu:

5. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:

6. Nhu cầu thị trường *(khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án):*

7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra (áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm):

8. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

Sở, ngành.....
 UBND huyện, thành, thị.....
 Cơ quan, tổ chức KH&CN

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

(Kèm theo công văn số:...../.....ngày.....tháng.....năm 2019 của)

Số TT	Tên đề tài/dự án	Tổ chức/cá nhân đề xuất, đặt hàng	Tính cấp thiết	Mục tiêu, nội dung chủ yếu	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
.....				

....., ngày ... tháng... năm 20...

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Kèm theo bảng tổng hợp này là Phiếu đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cần được giải quyết ở cấp tỉnh năm 2020 của các tổ chức, cá nhân.